

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 191/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Trịnh Ngọc S, sinh năm 1991.

Căn cước công dân số 095191001134, cấp ngày 26/4/2021.

Nơi thường trú: Ấp S, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Anh Đặng Duy T, sinh năm 1992.

Căn cước công dân số 060092015050, cấp ngày 28/6/2021.

Nơi thường trú: Xóm C, thôn E, xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú hiện nay: Số A, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Trịnh Ngọc S và anh Đặng Duy T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/4/2018. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên chị S và anh T thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của các đương sự

là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[2] *Về con chung*: Chị S, anh T có 01 (một) con chung là cháu Đặng Trịnh Duy K, sinh ngày 19/10/2018. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu K cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị S mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 02/2025. Thời điểm kết thúc cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc thỏa thuận nuôi dưỡng nuôi con chung của các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên công nhận.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị S và anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án*: Chị S và anh T chịu lệ phí việc dân sự theo quy định.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận việc hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 14 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Ngọc S và anh Đặng Duy T.

- *Về con chung*: Giao cháu Đặng Trịnh Duy K, sinh ngày 19/10/2018 cho chị Trịnh Ngọc S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị S mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 02/2025. Thời điểm kết thúc cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh T có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi vì quyền lợi của con, các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Chị S và anh T thống nhất không tính lãi suất trong trường hợp anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trịnh Ngọc S và anh Đặng Duy T mỗi người phải chịu lệ phí việc dân sự là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí các đương sự đã nộp theo biên lai thu số 0008478 ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; chị S, anh T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Nghi Đức, huyện Tánh Linh, T. Bình Thuận (GCNKH số 28 ngày 26/4/2018);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự; VP.

THẨM PHÁN

Đào Thị Kiều Vân